

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-PT

Ngày: 10-1-2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

**Các thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường.
Bà Lê Thị Thanh Thủy.**

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy -
Kiểm sát viên tham gia phiên toà.**

Trong các ngày 18/12/2017 và ngày 10 tháng 1 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2017/TLPT-DS ngày 9 tháng 10 năm 2017, về việc tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2017/QĐXX-PT ngày 6 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974.

Địa chỉ cư trú: thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1984.

Địa chỉ liên hệ: đường X, phường C, thành phố H. (theo giấy ủy quyền ngày 16/12/2017)

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Nguyễn Thị N.

(Chị H, chị D có mặt tại phiên tòa. Chị N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Do có quan hệ cùng công ty, ngày 16/01/2017, chị có cho chị Nguyễn Thị N vay 30.000.000 đồng. Khi giao tiền, hai bên có lập “**Biên bản vay tiền**” với nội dung: Ngày 16/1/2017, chị N có vay của chị H 30.000.000 đồng, khi nào chị H cần tiền thì chị N sẽ trả đủ số tiền 30.000.000 đồng. Biên bản vay tiền có chữ ký của bên cho vay, bên vay. Đến tháng 4/2017, khi cần tiền để chữa bệnh cho mẹ, chị đã đòi nhiều lần, nhưng chị N không trả. Ngày 04/7/2017, chị khởi kiện yêu cầu chị N phải trả 30.000.000 đồng tiền gốc và tự nguyện không yêu cầu trả lãi.

Tại Bản tự khai ngày 19 tháng 7 năm 2017, bị đơn chị Nguyễn Thị N xác định: Có việc vay mượn như chị H khai. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn, chị xin được trả dần, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh Vũ Văn Tuynh là người đại diện hợp pháp do chị N ủy quyền thừa nhận việc chị N vay chị H 30.000.000 đồng là chính xác. Tuy nhiên anh xác định chị N đã trả cho chị H được 8.400.000 đồng tiền lãi. Do chị N trả chị H tiền lãi quá cao, anh T đề nghị tính lại lãi suất với mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng, đối trừ với số tiền lãi chị N đã trả, còn thừa bao nhiêu trừ vào nợ gốc. Do điều kiện khó khăn, chị N chỉ có khả năng trả chị H được 500.000 đồng/tháng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:

- Căn cứ Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, điểm Điều 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, buộc chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả chị Lê Thị H số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị H không yêu cầu chị N phải trả lãi suất đối với số nợ trên.

Ngoài ra bản án còn quyết định về lãi suất đối với số tiền chậm trả, tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/8/2017 chị N kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Phạm Thị D là người đại diện theo ủy quyền của chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị D xác định trên thực tế chị N đã phải đã trả lãi suất cao cho chị H với tổng số tiền lãi là 8.400.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử tính lại mức lãi suất theo quy định của pháp luật để đối trừ với với số tiền lãi nêu trên, số tiền thừa sẽ trừ vào khoản nợ gốc, đồng thời đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được trả nợ chị H theo phương thức trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Xác định chị N kháng cáo không có căn cứ vì trong hợp đồng vay tiền giữa chị N và chị H không thể hiện về lãi suất. Chị N thừa nhận có việc vay tiền chị H và xin trả dần, nhưng chị H không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị N. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến, quan điểm của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt chị N nhưng chị N đã ủy quyền tham gia tố tụng, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xem xét về khoản nợ gốc giữa chị H và chị N Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận trên thực tế có việc chị H cho chị N vay 30.000.000 đồng. Chứng cứ thể hiện việc vay tiền đó là "Giấy biên nhận tiền" do chị H xuất trình, trong đó thể hiện nội dung chị H cho chị N vay 30.000.000 đồng, khi nào chị H cần thì chị N phải trả. Chị N cũng thừa nhận nội dung này. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ.

[3] Tại cấp phúc thẩm chị N xuất trình một số nội dung tin nhắn được sao chụp từ điện thoại của chị N với nội dung thể hiện trong các ngày 16/2/2017; ngày 17/2/2017; ngày 15/3/2017 chị H có nhắn tin cho chị N xác định số tiền lãi của tháng 1/2017 là 1.860.000 đồng; Tiền lãi của tháng 2/2017 là 1.680.000 đồng, cộng với 60.000 đồng của tháng trước, tổng là 1.740.000 đồng. Theo chị N đây chính là chứng cứ chứng minh việc chị N đã trả lãi suất cao cho chị H. Tuy nhiên chị H không thừa nhận mà cho rằng trên thực tế có việc chị nhắn tin cho chị N để xác định tiền lãi mà chị N phải trả, nhưng sau đó chị N chưa trả lãi cho chị. Hội đồng xét xử thấy, các tin nhắn có nội dung thể hiện số tiền lãi mà chị N phải trả cho chị H, chứ không thể hiện đây chính là số tiền lãi mà chị N đã trả xong cho chị

H. Người đại diện theo ủy quyền của chị N cho rằng, mặc dù không có căn cứ chứng minh chị N đã trả xong cho chị H số tiền lãi 8.400.000 đồng, nhưng căn cứ tin nhắn ngày 15/3/2017 mà chị H đã nhắn cho chị N với nội dung: *Tiền lãi của tháng hai 28 ngày là 1.680.000 đồng và 60.000 đồng của tháng trước tổng là 1.740.000 đồng.* Điều này đã thể hiện có việc tháng 1/2017 chị N đã trả tiền lãi cho chị H, số tiền lãi còn thiếu của tháng 1 là 60.000 đồng sẽ được chuyển vào tiền lãi của tháng 2/2017, tổng bằng 1.740.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy nội dung tin nhắn nêu trên chỉ xác định số tiền lãi của tháng 2/2017 và 60.000 đồng của tháng trước chứ không xác định 60.000 đồng là tiền lãi còn thiếu của tháng 1, do vậy không có căn cứ xác định chị N đã trả tiền lãi tháng 1/2017 cho chị H.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị N đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh tại tập đoàn viễn thông Q về các tin nhắn từ các số điện thoại của chị N và chị H, thời gian từ thời điểm tháng 1 đến tháng 5 năm 2017. Hội đồng xét xử đã chấp nhận tạm ngừng phiên tòa, đồng thời có văn bản đề nghị tập đoàn viễn thông Q cung cấp những tin nhắn từ 2 số điện thoại của chị N và chị H trong khoảng thời gian nêu trên. Ngày 29/12/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã nhận được công văn số 1661/VTQĐ-PC của tập đoàn viễn thông Q với nội dung không còn lưu giữ nội dung tin nhắn từ 02 số điện thoại mà Tòa án cung cấp. Theo đề nghị của chị N Tòa án cũng đã triệu tập người làm chứng là chị Vũ Thị V đến tham gia phiên tòa, tuy nhiên chị V đã không đến. Do vậy không có căn cứ chứng minh chị N đã trả cho chị H 8.400.000 đồng tiền lãi.

[5] Xem xét đề nghị của chị N về việc trả chị H 500.000đ/ 1tháng, Hội đồng xét xử thấy, trong "Giấy biên nhận tiền" giữa 2 bên chỉ thể hiện nội dung: Chị H cho chị N vay tiền, khi nào chị H cần thì chị N phải trả, không có nội dung nào thể hiện chị N phải trả tiền chị H theo từng tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H không đồng ý cho chị N trả dần mà yêu cầu chị N phải trả 1 lần đối với số toàn bộ số tiền. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị N phải trả chị H 1 lần với số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Từ những phân tích trên cho thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị N.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị N kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 148; Điều 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện K như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, buộc chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả chị Lê Thị H số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị H không yêu cầu chị N phải trả lãi suất đối với số nợ trên.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị N không thi hành khoản tiền trên còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001233 ngày 31/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị N đó nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện K.
- Chi cục THADS huyện K.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền